

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5081/SXD-QLN ngày 27/8/2019 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trường Quân sự tỉnh, xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa.

5. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô công trình hiện trạng: Quy mô 03 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 32,92x13,42 m. Chiều cao công trình 13,3m; trong đó chiều cao các tầng 1, 2, 3 là 3,6m; chiều cao mái 2,5m, cos nền nhà cao hơn cos sân 0,45m.

5.2. Giải pháp cải tạo:

- Lát lại toàn bộ nền, sàn của công trình bằng gạch Ceramic 600x600mm; riêng các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch 600x300mm cao 2,1m. Thay mới trần nhựa trong các phòng vệ sinh.

- Đục bỏ tường bị bong tróc, trát lại. Xây lại vị trí tường xây lan can của sảnh tầng 2,3. Tường xây gạch không nung vữa xi măng (VXM) mác 50, trát tường VXM mác 50, tường lăn sơn trực tiếp. Láng lại senô mái.

- Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại công trình. Đục bỏ và trát lại trần phòng tại vị trí nứt (khoảng 4,5m²/1 phòng). Sửa chữa bản lề và khóa cửa nhựa lõi thép, thay kính những cửa bị vỡ kính.

- Tháo dỡ và thay mới toàn bộ hệ thống điện và thiết bị điện. Nguồn điện cấp cho công trình sử dụng dây dẫn CU/XLPE/PVC (3x16+1x10)mm². Dây dẫn bên trong công trình sử dụng dây dẫn cấp điện Cu/PVC (2x2,5)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống bảo vệ.

- Tháo dỡ và thay mới toàn bộ hệ thống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh. Lắp mới 1 bồn nước 3m³ đặt trên mái.

- Tháo dỡ mái tôn cũ, thay mái tôn mới dày 0,4mm.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 1.853.875.000 đồng;
trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.427.543.000	đồng;
- Chi phí thiết bị:	140.619.000	đồng;
- Chi phí Quản lý dự án:	46.788.252	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	157.854.535	đồng;
- Chi phí khác:	81.070.088	đồng.

(có Phụ biểu chi tiết kèm theo).

7. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn chi khác trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

10. Các nội dung khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đã được Sở Xây dựng thẩm định kèm theo Tờ trình số 5081/SXD-QLN ngày 27/8/2019 nêu trên. Yêu cầu phương án thi công xây dựng phải đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật xây dựng.

Điều 2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

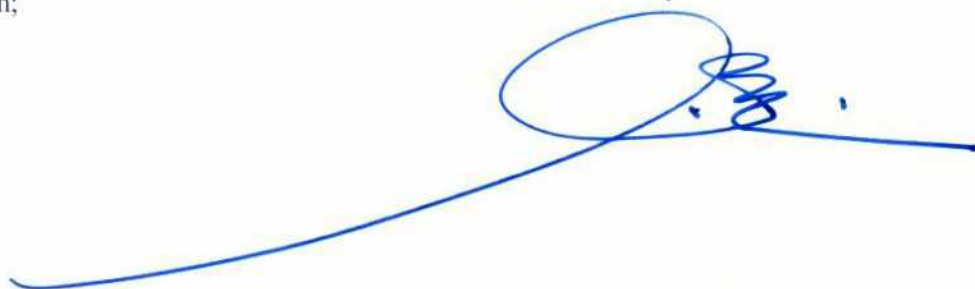
Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.(M9.1)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên 3 tầng Trường Quân sự tỉnh***(Kèm theo Quyết định số: 3542/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Thành tiền		
			Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	1.297.766.364	129.776.636	1.427.543.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb	127.835.455	12.783.545	140.619.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	46.788.252		46.788.252
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Gtv	143.504.122	14.350.412	157.854.535
1	Chi phí khảo sát địa hình		3.597.299	359.730	3.957.029
2	Chi phí Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật ĐTXD		80.876.800	8.087.680	88.964.480
3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công		3.348.237	334.824	3.683.061
4	Chi phí thẩm tra dự toán		3.244.416	324.442	3.568.858
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		5.606.351	560.635	6.166.986
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng		46.831.020	4.683.102	51.514.122
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk	76.424.085	4.646.004	81.070.088
1	Chi phí bảo hiểm công trình		1.038.213	103.821	1.142.034
2	Chi phí hạng mục chung		45.421.823	4.542.182	49.964.005
3	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		352.236		352.236
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		17.611.813		17.611.813
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		2.000.000		2.000.000
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		10.000.000		10.000.000
	TỔNG CỘNG (làm tròn)				1.853.875.000